

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 3- 2020
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan

2. Ông Điều Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa : Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/03/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1975

Bị đơn: Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1977

Cùng trú tại: Tổ 4, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/09/2019, bản tự khai ngày 24/12/2019, các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Hoàng Xuân T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 03/08/2001 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hay cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Hồng M yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 16/02/2002; Hoàng Thị H, sinh ngày 19/07/2005, vợ chồng

không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại chị M không mang thai. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng M yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Tài sản chung chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2019 bị đơn anh Hoàng Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị Hồng M tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 03/08/2001 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng tới khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hay cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị Hồng M xin ly hôn anh T không đồng ý và muốn đoàn tụ để lo cho con chung.

Về con chung: Thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Hồng M. Nếu ly hôn anh Hoàng Xuân T đồng ý cho chị M nuôi 02 con chung tên Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 16/02/2002; Hoàng Thị H, sinh ngày 19/07/2005. Anh T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng M đối với anh Hoàng Xuân T. Về con chung giao 02 con chung tên Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 16/02/2002 và Hoàng Thị H, sinh ngày 19/07/2005 cho chị Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M khởi kiện anh Hoàng Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, do đó Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Xuân T có nơi cư trú tại xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án viết bản trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự chỉ trình bày ý kiến tại bản tự khai và chị M, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 01 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về nội dung vụ án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Hoàng Xuân T là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Chị M cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn với chị M và muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xác M tại địa phương ngày 11/02/2020 thì về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và thường xuyên cãi nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Ngoài ra ý chí của chị M về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng M về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Hoàng Xuân T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 16/02/2002; Hoàng Thị H, sinh ngày 19/07/2005, vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Hoàng Xuân T thống nhất chị Nguyễn Thị Hồng M nuôi 02 con chung tên Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 16/02/2002; Hoàng Thị H, sinh ngày 19/07/2005. Anh T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Xét thấy các bên tự nguyện thể hiện chị M nuôi 2 con chung và 2 con chung có nguyện vọng sống với chị M và không có tranh chấp về việc nuôi con chung nên cần giao 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng theo yêu cầu của đương sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hồng M chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng M ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124 quyển số 01 ngày 03/08/2001 của Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H tỉnh Bình Phước).

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung Hoàng Xuân Tr, sinh ngày 16/02/2002; Hoàng Thị H, sinh ngày 19/07/2005 cho chị Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Xuân T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng M chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001738 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Quốc Thành

